TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ CÚ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/HNGĐ-ST
Ngày 18-7-2022
"V/v Tranh chấp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tấn;

Các hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Oanh Kiều;

Bà Phước Thị Kim Huê;

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Tiết Thị Long, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

Trong ngày 18 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 136/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2022 về việc *"Tranh chấp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 08 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị M, sinh năm 1968 (có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt);

- *Bị đơn:* Ông Mã Hoàng H, sinh năm 1968 (có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp X, xã Ng, huyện Tr, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/3/2022, bản tự khai ngày 08/7/2022 và quá trình tố tụng nguyên đơn bà Lê Thị M trình bày: Năm 1990 do quen biết trước nên bà với ông Mã Hoàng H tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau được hai bên gia đình, tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới hai vợ chồng về sống chung bên chồng. Cuộc sống rất hạnh phúc, luôn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và có 01 đứa con tên Mã Hoàng Ph, sinh ngày 15/7/1991. Đến tháng 4/2009 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, thường

xuyên cãi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay, có tạo điều kiện hàn gắng nhưng không thành. Do đời sống chung không thể kéo dài, không thể hàn gắn lại. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc mục đích hôn nhân không đạt được.

Với lý do nêu trên, bà yêu cầu Tòa án không công nhận bà với ông Mã Hoàng H là vợ chồng. Về con chung tên Mã Hoàng Ph, sinh ngày 15/7/1991 đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung tự thỏa thuận, về nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 08/7/2022 và quá trình tố tụng bị đơn ông Mã Hoàng H trình bày: Ông thống nhất như đơn khởi kiện của bà Lê Thị M về vấn đề hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Thời gian đầu cuộc sống của hai vợ chồng rất hạnh phúc nhưng do có mâu thuẫn nên từ năm 2009 hai bên đã sống ly thân cho đến nay, hai bên có tạo điều kiện hàn gắn nhưng không thành. Về con chung tên Mã Hoàng Ph, sinh ngày 15/7/1991 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung tự thỏa thuận, về nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay với yêu cầu ly hôn của bà M yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng thì ông đồng ý.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa cùng với xem xét toàn diện vụ án và yêu cầu giải quyết của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Đây là vụ án *"Tranh chấp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn"* theo quy định tại khoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện Trà Cú nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[3] *Về nội dung vụ án:*

Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị M và ông Mã Hoàng H tổ chức cưới vào năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống vợ, chồng có mâu thuẫn cải vã với nhau nên không có hạnh phúc. Vì không thể chung sống hòa thuận với nhau nên ông, bà đã sống ly thân từ năm 2009 đến nay. Trong quá trình ly thân thì hai bên không quan tâm, chăm sóc nhau

và không còn tình cảm với nhau nữa. Bị đơn ông Mã Hoàng H cũng đồng ý theo đơn khởi kiện của bà M. Do ông, bà chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử cần xem xét giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà M và ông H.

Về con chung: Bà M và ông H thống nhất có 01 người con chung tên Mã Hoàng Ph, sinh ngày 15/7/1991 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung tự thỏa thuận và về nợ chung không có. Các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về án phí:* Bà Lê Thị M phải chịu án phí theo quy định. Ông Mã Hoàng H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 16; Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị M với ông Mã Hoàng H.

2. Về con chung: tên Mã Hoàng Ph, sinh ngày 15/7/1991 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị M phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009807 ngày 11/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh nên đã nộp xong.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi cục THADS huyện Trà Cú;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Trần Văn Tấn